

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS - PT

Ngày: 22/7/2025

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phùng Anh Dũng**

Các Thẩm phán: ông **Đình Phước Hoà**

ông **Trần Thị kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 125/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Huỳnh Thị Ngọc Y**, sinh năm 1962, địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã V, tỉnh Khánh Hòa)**.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm 1988, địa chỉ: **Số A đường M, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa)**. Có mặt.

Bị đơn: ông **Huỳnh Ngọc H1 (Hung N)**, sinh năm 1958, địa chỉ: **G SW H, Port St. L, FL 34983, USA**.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Lường Ngọc Thủy T**, sinh năm 1994. Địa chỉ: **Công ty L - Tầng A, Nhà C, Đền L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội)**. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Phạm Thành**

T1 - Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Công ty L - Tầng A, Nhà C, Đền L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị H2 (Pham H2), sinh năm 1953, địa chỉ: Canada.
2. Huỳnh Thị Bích T2 (Than T2), sinh năm 1954, địa chỉ: Canada.
3. Ông Huỳnh Thạch K (Simon T Huynh), sinh năm 1956, địa chỉ: USA.
4. Ông Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1964, địa chỉ: Canada;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà T2, ông K và ông T3: bà Thái Thị C, sinh năm 1965, địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa (nay là xã V, tỉnh Khánh Hoà). Vắng mặt.

5. Ông Trần Hoàng D (DZUNG H TRAN), sinh năm 1969; địa chỉ: USA. Vắng mặt.

6. Bà Trần Thị Thanh V (V TRAN), sinh năm 1971; địa chỉ: USA. Vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Thiên T (AMY TRAN), sinh năm 1973; địa chỉ USA. Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1994;

9. Bà Nguyễn Thùy A, sinh năm 1994;

10. Cháu Nguyễn Phúc H, sinh năm 2018;

Người đại diện theo pháp luật cháu Hưng: ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thùy A (cha, mẹ ruột). Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa (nay là tỉnh Khánh Hoà).

11. Ông Nguyễn Khánh D, sinh năm 1960, địa chỉ: USA. Vắng mặt.

12. Bà Huỳnh Thị Xuân M, sinh năm 1959, địa chỉ: USA.

Địa chỉ liên lạc: tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hoà).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: bà Lương Ngọc Thủy T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Công ty L – Tầng A, Nhà C, Đền L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Phạm Thành T1 - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư H; địa chỉ: Công ty L, Nhà C, Đền L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội). Có mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Xuân M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Y và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Ngọc H trình bày:

Cha mẹ bà Y là ông Huỳnh Ngọc C và bà Ngô Thị M1 có 05 người con chung gồm: Bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị Bích T2, ông Huỳnh Thạch K, ông Huỳnh Ngọc H1 và bà Huỳnh Thị Ngọc Y. Ngoài ra, bà M1 còn có 04 người con riêng gồm: Ông Huỳnh Ngọc T3 (con chung với ông Huỳnh Văn B đã chết không rõ ngày tháng và không đăng ký kết hôn), ông Trần Hoàng D, bà Trần Thị Thanh V và bà Trần Thị Thiên T4 (con chung với ông Trần Văn N chết năm 2010, không đăng ký kết hôn).

Cha mẹ bà Y cùng tạo lập được tài sản là thửa đất tại tổ dân phố A, thị trấn V, huyện V, Khánh Hòa. Nguồn gốc thửa đất này được cha mẹ bà Y mua từ ông Nguyễn G và bà Nguyễn Thị T5 theo Giấy bán đất và nhà lập ngày 12/11/1959, được UBND xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa chứng thực cùng ngày. Thửa đất này có diện tích khoảng 400m Khoảng tháng 09/2004, thửa đất Nhà nước giải tỏa làm đường Bà T6 và phần còn lại bị phân chia thành 02 thửa đất (nay là thửa số 105 và 107, tờ bản đồ số 08). Trên thửa đất số 105, tờ bản đồ số 08, diện tích 75,3m2 có nhà còn lại sau giải tỏa. Trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 08, diện tích 152,8m có nhà của bà Y xây, diện tích 120m2 xây dựng năm 2005, khoản tiền xây dựng căn nhà là của gia đình bà và tiền nhận bồi thường giải tỏa. Hiện nay bà và các con gồm Nguyễn Quốc H3, con dâu Nguyễn Thùy A và cháu nội là Nguyễn Phúc H4 đang sinh sống, còn chồng bà Y1 là ông Nguyễn Khánh D1 đang sinh sống ở nước ngoài.

Năm 1963, ông C chết không để lại di chúc. Năm 2015, bà M1 chết không để lại di chúc. Các anh chị em trong gia đình đồng ý giao cho bà Y sở hữu nhà, đất để làm nơi thờ cúng cha mẹ và cũng là nơi anh chị em trong gia đình tụ họp mỗi khi trở về Việt Nam thăm quê hương nên bà Y đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị UBND huyện V hủy vì lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Sau khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị hủy, gia đình bà Y đã bàn hợp để thống nhất phân chia di sản của cha mẹ để lại. Tuy nhiên, ông Huỳnh Ngọc H1 không đồng ý và muốn sở hữu toàn bộ thửa đất nên xảy ra tranh chấp. Các chị em trong nhà là bà H2, bà T2, ông K, ông T3 đã làm văn bản cho bà Y hưởng phần thừa kế của họ được hưởng. Vì vậy, bà Y yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Ngọc C và bà Ngô Thị M1 theo pháp luật. Bà Y mong

muốn được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán cho ông H1 giá trị phần ông được hưởng.

* Bị đơn ông Huỳnh Ngọc H1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bên bị đơn thừa nhận về quan hệ gia đình, nguồn gốc tài sản của ông C, bà M1 để lại như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng trong quá trình bà Y quản lý nhà, đất tại thửa 105 và 107, tờ bản đồ số 08 thị trấn V đã khai không đúng nguồn gốc về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/4/2016 đứng tên bà Y. Theo Quyết định số 2179, 2180/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện V đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cấp cho bà Y. Việc bà Y khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế ông H1 không đồng ý vì ông cho rằng năm 1994, bà Ngô Thị M1 đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà đất nêu trên cho vợ ông là bà Huỳnh Thị Xuân M.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Xuân M trình bày:

Bà M thông nhất với ý kiến trình bày của ông H1 và của nguyên đơn về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản là của ông C, bà M1. Tuy nhiên bà M cho rằng ngày 06/01/1994, bà Ngô Thị M1 đã lập giấy cho toàn bộ nhà, đất tại thửa 105 và 107, tờ bản đồ số 08 thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa cho bà M. Do bà M xuất cảnh sang Hoa Kỳ sinh sống nên giấy cho nhà đã bị thất lạc. Thời gian bà xuất cảnh thì nhờ bà Y trông coi nhà đất nhưng bà Y đã kê khai gian dối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nên đã bị Ủy ban nhân dân huyện V hủy giấy chứng nhận trên. Bà Y khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, bà M không đồng ý vì nhà đất này bà M1 đã cho bà M.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị Bích T2, ông Huỳnh Thạch K và ông Huỳnh Ngọc T3 là bà Thái Thị C1 trình bày:

Bà C1 trình bày nội dung thông nhất như nguyên đơn trình bày và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với phần di sản mà bà H2, bà T2, ông K, ông T3 được hưởng, những người này từ chối nhận và đề nghị Tòa án giao cho bà Y sở hữu và không yêu cầu bà Y thanh toán giá trị. Hiện nay, bà H2, bà T2, ông T3 đang định cư tại Canada, ông K đang định cư ở Mỹ không có khả năng về Việt Nam nên đã ủy quyền cho bà C1 tham gia tố tụng, bà C1 đề nghị vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc H3 và bà Nguyễn Thùy A trình bày:

Về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản ông, bà trình bày nội dung thông nhất như nguyên đơn trình bày.

Hiện nay, nhà đất đang tranh chấp có bà **Y** và vợ chồng ông bà cùng con đang sinh sống, ngoài căn nhà này thì gia đình ông bà không còn căn nhà nào khác để ở và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông, bà đề nghị vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Hoàng D2**, **Trần Thị Thanh V** và bà **Trần Thị Thiên T4**:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt nhưng các ông bà không có ý kiến trình bày nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ:

- Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 23 và Điều 24 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;
- Điều 620, Điều 623, Điều 642, Điều 643, Điều 649, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 154, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** về việc “Chia di sản thừa kế” đối với các nhà, đất thửa 105 và 107, tờ bản đồ số 08 tại **thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa** của ông **Huỳnh Ngọc C** và bà **Ngô Thị M1**. Cụ thể chia di sản thừa kế như sau:

1.1. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà **Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K** cho bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** ký phần thừa kế được nhận của ông **Huỳnh Ngọc C**.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà **Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K** và ông **Huỳnh Ngọc T3** cho bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** ký phần thừa kế được nhận của bà **Ngô Thị M1**.

2. Giao hiện vật:

Giao cho bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** nhà, đất thuộc thửa số 107, diện tích 156,7m², tờ bản đồ số 08, tại **thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**.

Giao cho ông **Huỳnh Ngọc H1** nhà, đất thuộc thửa số 105, diện tích 76,2m², tờ bản đồ số 08, tại **thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**.

Các thửa đất và nhà mô tả theo Sơ đồ bản vẽ kèm theo.

3. Thanh toán giá trị:

Ông **Huỳnh Ngọc H1** thanh toán cho bà **Trần Thị Thanh V** và bà **Trần Thị Thiên T4** mỗi người số tiền 264.430.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Ông **Huỳnh Ngọc H1** thanh toán cho ông **Trần Hoàng D** số tiền 154.046.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** thanh toán cho ông **Trần Hoàng D** số tiền 110.384.000 đồng (Một trăm mười triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

- Tạm giao cho bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** quản lý hai kỷ phần của ông **Huỳnh H5** và bà **Nguyễn Thị T7** nhận của ông **Huỳnh Ngọc C** với số tiền 528.861.000 đồng (mỗi kỷ phần là 264.430.000 đồng). Trường hợp tranh chấp số tiền của kỷ phần cụ **H5** và cụ **T7** thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** không yêu cầu thanh toán công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Xuân M** có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Ngọc Y** và đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Xuân M** giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 và được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228, 474 và 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt đối với một số đương sự vắng mặt.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông **Huỳnh Ngọc C** và bà **Ngô Thị M1**. Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đồng thời là yêu cầu kháng cáo thì thấy:

[3.1] Về hàng thừa kế và những người được hưởng di sản:

- Ông **Huỳnh Ngọc C** (chết ngày 20/11/1963) và bà **Ngô Thị M1** (chết ngày 18/6/2015) có 05 người con chung gồm: Bà **Huỳnh Thị H2**, bà **Huỳnh Thị Bích T2**, ông **Huỳnh Thạch K**, ông **Huỳnh Ngọc H1** và bà **Huỳnh Thị Ngọc Y**.

- Bà **M1** còn có 04 người con riêng gồm: Ông **Huỳnh Ngọc T3** (con chung với ông **Huỳnh Văn B** đã chết không rõ ngày tháng và không đăng ký kết hôn), ông **Trần Hoàng D**, bà **Trần Thị Thanh V** và bà **Trần Thị Thiên T4** (con chung với ông **Trần Văn N** chết năm 2010, không đăng ký kết hôn).

- Cha, mẹ ông **C** là cụ **Huỳnh H5**, chết năm 1988 và cụ **Nguyễn Thị T7**, chết năm 1996. Cha, mẹ bà **M1** là cụ **Ngô Hữu T8**, chết năm 1939 và cụ **Nguyễn Thị K1**, chết năm 1987.

Như vậy, cha mẹ ông **C** chết sau ông **C** và cha mẹ bà **M1** chết trước bà **M1**. Do đó, các con chung của ông **C** – bà **M1**, cha mẹ của ông **C** và bà **M1** được hưởng di sản của ông **C** để lại. Phần di sản của ông **C** chia làm 08 kỷ phần.

Các con chung của ông **C**, bà **M1** và các con riêng của bà **M1** được hưởng di sản của bà **M1** để lại. Phần di sản của bà **M1** được chia làm 09 kỷ phần.

[3.2] Xác định di sản của ông **C**, bà **M1**:

- Nguồn gốc thửa đất: Theo Giấy bán đất và nhà giữa ông **Huỳnh Ngọc C** và bà **Ngô Thị M1** với ông **Nguyễn G** và bà **Nguyễn Thị T5** được UBND xã **V** chứng thực lập ngày 12/11/1959. Sau khi nhà nước làm đường Bà **T6** thì thửa đất trên còn lại được chia làm hai phần: Thửa số 105 và 107, tờ bản đồ số 08 tại **thị trấn V**. Thửa đất số 105, diện tích 75,3m² có một phần nhà còn lại sau giải tỏa. Trên thửa đất số 107, diện tích 152,8m² có nhà của bà **Y** xây năm

2005 từ một phần tiền đền bù giải tỏa đường và tiền riêng của bà Y, diện tích 120m².

- Giấy cho nhà đất ngày 06/01/1994 được người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Ngọc N1 cung cấp. Theo giấy này thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M cho rằng: Bà M đã được bà M1 tặng cho toàn bộ tài sản nên tài sản này thuộc về bà M, không còn là tài sản thừa kế. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà M, ông H1 và tất cả các đương sự còn lại không ai cung cấp được bản gốc giấy cho nhà nêu trên. Theo Công văn số 556/UBND ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn V xác định không có văn bản lưu trữ là Giấy cho nhà đề ngày 06/01/1994. Theo đó Giấy cho nhà đất ngày 06/01/1994 chỉ là bản photo, không được các đương sự khác thừa nhận nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở xác định bà M1 định đoạt tài sản trên cho bà M.

Như vậy, nguồn gốc nhà, đất trên là của ông C, bà M1 và hai ông, bà chết không để lại di chúc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản theo pháp luật là có cơ sở.

[3.3] Công sức giữ gìn, tôn tạo:

Ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu thanh toán công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo và không yêu cầu thanh toán phần tiền bỏ thêm vào xây dựng lại căn nhà sau khi giải tỏa làm đường Bà T6. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận sự tự nguyện.

[3.4] Xác định giá trị di sản, giao hiện vật và thanh toán giá trị:

* Xác định giá trị di sản: Trên cơ sở Biên bản định giá tài sản ngày 16/01/2023 của Hội đồng định giá xác định giá trị như sau:

- Giá trị thửa đất 105 được xác định: $76,2\text{m}^2 \times 15.093.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 1.150.086.600\text{đồng}$. Tài sản trên thửa đất này gồm có: 01 nhà chính, 01 nhà vệ sinh, sân xi măng, mái che và tường rào. Giá trị tài sản trên đất là 61.682.577 đồng. Giá trị đất và tài sản trên thửa 105 là 1.211.769.177đồng.

- Giá trị thửa đất 107 được xác định: $156\text{m}^2 \times 16.602.300\text{đồng}/\text{m}^2 = 2.589.958.800\text{đồng}$. Tài sản trên thửa đất này gồm có: 01 nhà chính, 01 sân xi măng, 01 mái che, 01 tường rào và 01 cổng. Giá trị tài sản trên đất là 429.164.276đồng. Giá trị đất và tài sản trên thửa 107 là: 3.019.123.076đồng.

Vậy tổng giá trị tài sản thừa kế nhà, đất thửa 105 và 107 là 4.230.892.253 đồng. Xác định tài sản của ông C là 4.230.892.253đồng : 2 = 2.115.446.126đồng, tài sản của bà M1 là 2.115.446.126đồng + kỷ phần được chia của ông C.

* Giao hiện vật:

- Thực tế ông C và bà M1 tạo lập di sản và ở trên phần nhà đất trước khi chết. Hiện nay, ông C và bà M1 được bà Y thờ cúng tại nhà, đất đang tranh chấp. Đồng thời, các ông, bà: H2, T2, K và T3 đều đồng ý nhường kỷ phần cho bà Y và giao cho bà Y trông coi, thờ cúng ông C, bà M1. Do đó, Hội đồng xét xử giao hiện vật là thửa đất 107 và toàn bộ tài sản trên phần đất này cho bà Y và thanh toán giá trị cho các kỷ phần còn lại.

- Đối với ông Huỳnh Ngọc H1 có nguyện vọng nhận hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy ông H1 hiện nay có quốc tịch Việt Nam và thửa đất 105 cùng tài sản trên đất đang cho thuê nên giao cho ông H1 là phù hợp và ông H1 phải thanh toán lại giá trị cho các kỷ phần còn lại.

* Thanh toán giá trị:

- Phần ông C được chia 08 kỷ phần cho các ông bà: Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K, Huỳnh Ngọc H1, Huỳnh Thị Ngọc Y, Huỳnh H5, Nguyễn Thị T7 và Ngô Thị M1. Vậy mỗi kỷ phần được hưởng của ông C là $2.115.446.126 \text{ đồng} : 8 = 264.430.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K cho kỷ phần thừa kế được nhận của ông C cho bà Huỳnh Thị Ngọc Y nên bà Y được nhận giá trị tương ứng 04 kỷ phần với số tiền $264.430.000 \text{ đồng} \times 4 = 1.057.720.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

+ Cụ H5 và cụ T7 đã chết nên tạm giao kỷ phần giá trị của cụ Huỳnh H5 và Nguyễn Thị T7 cho bà Y quản lý. Trường hợp có tranh chấp đối với kỷ phần giá trị của cụ H5 và cụ T7 thì giải quyết thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

- Phần của bà M1 được chia 09 kỷ phần cho các ông, bà: Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K, Huỳnh Ngọc H1, Huỳnh Thị Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T3, Trần Hoàng D, Trần Thị Thanh V, Trần Thị Thiên T4. Vậy mỗi kỷ phần hưởng của bà M1 là $(2.115.446.126 \text{ đồng} + 264.430.000 \text{ đồng}) : 9 = 264.430.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K và ông Huỳnh Ngọc T3 cho bà Huỳnh Thị Ngọc Y kỷ phần thừa kế được nhận của bà M1 nên bà Y được nhận giá trị tương ứng với 05 kỷ phần với số tiền $264.430.000 \text{ đồng} \times 5 = 1.322.150.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Vậy bà Y được nhận giá trị tài sản của ông C, bà M1 tương ứng số tiền $1.057.720.000 \text{ đồng} + 1.322.150.000 \text{ đồng} = 2.379.870.000 \text{ đồng}$ và ông H1 nhận tương ứng số tiền $264.430.000 \text{ đồng} + 264.430.000 \text{ đồng} = 528.860.000 \text{ đồng}$. Do đó, bà Y và ông H1 phải thanh toán phần giá trị vượt quá của hiện vật được nhận tại thửa 105 và 107 nêu trên.

Với những phân tích, nhận định như trên Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, khách quan nội dung của vụ án và đưa ra phán quyết như trên là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình là có cơ sở.

Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do đó HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận, bác kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Xét bà Y và ông H1 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật. Bà Huỳnh Thị Xuân M phải chịu án phí theo quy định.

Riêng kỷ phần của cụ H5, cụ T7 cao tuổi và đã chết nên tạm giao cho bà Y quản lý không phải chịu án phí.

[5] Chi phí tố tụng: Bà Y tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, định giá và ủy thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc Y và bà Huỳnh Thị Xuân M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 06/05/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Căn cứ Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 23 và Điều 24 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

- Điều 620, Điều 623, Điều 642, Điều 643, Điều 649, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 154, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Y về việc “Chia di sản thừa kế” đối với các nhà, đất thửa 105 và 107, tờ bản đồ số

08 tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã V, tỉnh Khánh Hòa) của ông Huỳnh Ngọc C và bà Ngô Thị M1. Cụ thể chia di sản thừa kế như sau:

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K cho bà Huỳnh Thị Ngọc Y ký phần thừa kế được nhận của ông Huỳnh Ngọc C.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị Bích T2, Huỳnh Thạch K và ông Huỳnh Ngọc T3 cho bà Huỳnh Thị Ngọc Y ký phần thừa kế được nhận của bà Ngô Thị M1.

3. Giao hiện vật:

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc Y nhà, đất thuộc thửa số 107, diện tích 156,7m², tờ bản đồ số 08, tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã V, tỉnh Khánh Hòa).

- Giao cho ông Huỳnh Ngọc H1 nhà, đất thuộc thửa số 105, diện tích 76,2m², tờ bản đồ số 08, tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã V, tỉnh Khánh Hòa).

Các thửa đất và nhà mô tả theo Sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm.

4. Thanh toán giá trị:

- Ông Huỳnh Ngọc H1 thanh toán cho bà Trần Thị Thanh V và bà Trần Thị Thiên T4 mỗi người số tiền 264.430.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

- Ông Huỳnh Ngọc H1 thanh toán cho ông Trần Hoàng D số tiền 154.046.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị Ngọc Y thanh toán cho ông Trần Hoàng D số tiền 110.384.000 đồng (Một trăm mười triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

- Tạm giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc Y quản lý hai ký phần của cụ Huỳnh H5 và cụ Nguyễn Thị T7 nhận của ông Huỳnh Ngọc C với số tiền 528.860.000 đồng (mỗi ký phần là 264.430.000 đồng). Trường hợp tranh chấp số tiền của ký phần cụ H5 và cụ T7 thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Y không yêu cầu thanh toán công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo.

6. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Huỳnh Thị Xuân M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0000513 ngày 11/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà).

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng